

BẢNG GHI TÊN- GHI ĐIỂM DỰ THI

Hội đồng thi: THPT Như Xuân
Phòng thi số: 13

TT	SBD	Chữ ký dự thi			Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Giới tính	Họ sinh trường	Kết quả học tập lớp 9										Kết quả điểm bài thi						Ghi chú
		Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh					HK I	HK II	TB TO	TB VA	TB TA	TB M	UT	KK	Toán		Ngữ văn		Tiếng Anh				
																	Số	Bảng chữ	Số	Bảng chữ	Số	Bảng chữ			
1	261290	Anh	Anh	Anh	Vi Ngọc Anh	23/05/2006	Nữ	THCS DTNT Như Xuân	K	K	5.9	7.0	7.2	7.0	0.5		1.75	Một bảy lăm	1.75	Bảy bảy lăm	2.8	Hai tám		DTTS, 135	
2	261291	anh	anh	anh	Lương Thế Anh	21/05/2006	Nam	THCS Thanh Phong	T	TB	5.8	5.5	6.0	6.0	0.5		2.0	Hai tron	3.5	Ba rưỡi	2.0	Hai tron		DTTS	
3	261292	Anh	Anh	Anh	Kim Ngọc Trâm Anh	20/11/2006	Nữ	THCS DTNT Như Xuân	T	K	6.3	7.9	7.7	7.5	0.5		4.0	Bốn tron	7.5	Bảy rưỡi	7.6	Bảy sáu		DTTS, 135	
4	261293	Anh	Anh	Anh	Hà Thị Vân Anh	04/02/2006	Nữ	THCS DTNT Như Xuân	T	K	7.0	7.7	7.3	7.4	0.5		3.25	Ba hai lăm	8.0	Tám tron	6.4	Sáu tư		DTTS	
5	261294	Anh	Anh	Anh	Dương Việt Anh	14/12/2006	Nam	THCS DTNT Như Xuân	T	G	8.2	7.3	8.5	8.1	0.5		6.0	Sáu tron	7.5	Bảy rưỡi	6.6	Sáu sáu		DTTS	
6	261295	Bách	Bách	Bách	Thiều Việt Bách	06/03/2006	Nam	THCS Xuân Bình	T	K	6.8	6.1	6.6	6.8	0.5		6.0	Sáu tron	4.5	Bốn rưỡi	3.6	Ba sáu		DTTS	
7	261296	Báo	Báo	Báo	Lê Đức Báo	05/09/2006	Nam	THCS DTNT Như Xuân	T	G	8.5	7.6	8.2	8.3	0.5		6.75	Sáu bảy lăm	7.5	Bảy rưỡi	5.4	Năm tư		DTTS	
8	261297	Bích	Bích	Bích	Hà Thị Bích	15/07/2006	Nữ	THCS Thanh Xuân	T	G	8.2	8.8	7.2	8.3	0.5		5.5	Năm rưỡi	8.0	Tám tron	5.6	Năm sáu		DTTS	
9	261298	Bình	Bình	Bình	Lê Thanh Bình	09/03/2006	Nữ	THCS DTNT Như Xuân	T	G	7.2	8.0	7.6	8.2	0.5		6.5	Sáu rưỡi	8.5	Tám rưỡi	4.0	Bốn tron		DTTS, 135	
10	261299	Cát	Cát	Cát	Lê Hoàng Cát	09/07/2006	Nam	THCS Xuân Hoà	T	G	8.9	7.7	7.8	8.3	0.5		8.0	Tám tron	7.5	Bảy rưỡi	5.6	Năm sáu		Kinh VC	
11	261300	Chi	Chi	Chi	Đinh Thị Kim Chi	01/01/2006	Nữ	THCS Thanh Xuân	T	G	8.3	8.7	7.6	8.2	0.5		6.5	Sáu rưỡi	8.25	Tám hai lăm	6.2	Sáu hai		DTTS	
12	261301	Chinh	Chinh	Chinh	Lê Hà Chinh	01/01/2006	Nữ	THCS Yên Cát	T	G	7.4	9.0	7.9	8.1	0.5		6.5	Sáu rưỡi	9.0	Chín tron	7.4	Bảy tư		DTTS	
13	261302	Chinh	Chinh	Chinh	Lê Khắc Chinh	10/11/2006	Nam	THCS Yên Cát	T	K	6.8	7.5	6.4	7.7	0.5		6.5	Sáu rưỡi	7.5	Bảy rưỡi	3.8	Ba tám		DTTS	
14	261303	Chúc	Chúc	Chúc	Lữ Thị Chúc	13/08/2006	Nữ	THCS Bái Trảnh	T	K	7.2	7.9	6.1	7.9	0.5		6.25	Sáu hai lăm	7.5	Bảy rưỡi	2.6	Hai sáu		DTTS	
15	261304	Diệp	Diệp	Diệp	Lê Thị Ngọc Diệp	27/11/2006	Nữ	THCS Xuân Bình	T	K	7.5	7.1	8.0	7.2	0.5		6.5	Sáu rưỡi	6.5	Sáu rưỡi	5.8	Năm tám		DTTS	
16	261305	Dương	Dương	Dương	Đỗ Thị Thủy Dương	23/10/2006	Nữ	THCS Xuân Hoà	T	G	8.1	7.8	8.0	8.2	0.5		4.5	Bốn rưỡi	7.5	Bảy rưỡi	4.8	Bốn tám		Kinh VC	
17	261306	Đức	Đức	Đức	Bùi Minh Đức	25/04/2006	Nam	THCS DTNT Như Xuân	T	K	7.3	6.6	7.8	6.9	0.5		6.25	Sáu hai lăm	6.0	Sáu tron	7.2	Bảy hai		DTTS	
18	261307	Giang	Giang	Giang	Lê Thị Giang	14/05/2006	Nữ	THCS Cát Tân	T	K	7.6	8.0	7.6	7.7	0.5		3.25	Ba hai lăm	7.5	Bảy rưỡi	6.4	Sáu tư		DTTS, 135	
19	261308	Hạnh	Hạnh	Hạnh	Lê Thị Hồng Hạnh	10/12/2006	Nữ	TH&THCS Cát Ván	T	K	5.6	6.2	6.6	6.9	0.5		2.25	Hai hai lăm	5.0	Năm tron	2.6	Hai sáu		DTTS	
20	261309	Hằng	Hằng	Hằng	Hà Thị Hằng	12/08/2006	Nữ	THCS Bình Lương	T	K	6.1	7.5	6.8	7.3	0.5		4.0	Bốn tron	7.5	Bảy rưỡi	5.2	Năm hai		DTTS	
21	261310	Hằng	Hằng	Hằng	Lô Thị Hằng	06/03/2006	Nữ	THCS DTNT Như Xuân	T	K	7.2	7.7	8.0	7.8	0.5		6.25	Sáu hai lăm	7.5	Bảy rưỡi	3.4	Ba tư		DTTS, 135	
22	261311	Hoa	Hoa	Hoa	Ngân Thị Hoa	20/01/2006	Nữ	THCS Thanh Phong	T	K	6.8	7.4	6.2	7.1	0.5		1.75	Một bảy lăm	6.0	Sáu tron	3.4	Ba tư		DTTS, 135	
23	261312	Hoàng	Hoàng	Hoàng	Vũ Đình Minh Hoàng	08/03/2006	Nam	THCS Yên Cát	T	K	7.8	7.8	6.9	7.7	0.5		6.25	Sáu hai lăm	6.0	Sáu tron	4.4	Bốn tư		Kinh VC	
24	261313	Hồng	Hồng	Hồng	Lạng Thị Xuân Hồng	03/05/2006	Nữ	THCS DTNT Như Xuân	T	G	7.3	8.5	8.0	8.3	0.5		6.25	Sáu hai lăm	8.5	Tám rưỡi	5.8	Năm tám		DTTS	

Danh sách có: 24 thí sinh.

HIỆU TRƯỞNG

Thanh Hóa, ngày 06 tháng 6 năm 2021
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

HỘI ĐỒNG CỎI THI

Có 0 TS sửa chữa hồ sơ dự thi thuộc về các SBD:

Có 0 TS sửa chữa điểm ưu tiên thuộc về các SBD:

Có TS sửa chữa điểm khuyến khích thuộc về các SBD:

Cán bộ kiểm tra hồ sơ 1: Mã Văn Thọ

Cán bộ kiểm tra hồ sơ 2: Lê Thị Lan

Chủ tịch Hội đồng coi thi

Thanh Hóa, ngày 06 tháng 6 năm 2021

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Số thí sinh	TO	VA	TA
Số vắng	0	0	0
Số VTQC	0	0	0

HỘI ĐỒNG CHẤM THI

Tổ hội phách lên điểm:

Có 0 TS sửa chữa điểm thuộc về các SBD

- Cán bộ đọc điểm: Lê Văn Bình
- Cán bộ kiểm soát đọc: Phan Thị Huyền
- Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Thị Bích Ngọc
- Cán bộ kiểm soát ghi: Hoàng Thị Huệ



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Đỗ Đình Lương

BẢNG GHI TÊN- GHI ĐIỂM DỰ THI

Hội đồng thi: THPT Như Xuân
Phòng thi số: 14

TT	SBD	Chữ ký dự thi			Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Giới tính	Học sinh trường	Kết quả học tập lớp 9										Kết quả điểm bài thi						Ghi chú
		Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh					HK	HL	Điểm					Toán		Ngữ văn		Tiếng Anh					
											TB TO	TB VA	TB TA	TB M	UT	KK	Số	Bảng chữ	Số	Bảng chữ	Số	Bảng chữ			
1	261314	Huê	Huê	Huê	Lê Khánh Huệ	05/12/2006	Nữ	THCS DTNT Như Xuân	T	K	6.8	7.4	7.9	7.8	0.5	6.5	Sáu mươi	7.5	Bảy mươi	5.4	Năm tư	DTTS			
2	261315	Huê	Huê	Huê	Nguyễn Thị Thanh Huệ	05/11/2006	Nữ	THCS Hoà Quý	T	K	6.9	6.6	6.5	6.8	0.5	3.75	Ba bảy lăm	6.5	Sáu mươi	2.2	hai hai	Kinh, 135			
3	261316	Huông	Huông	Huông	Lang Thị Thiên Hương	29/10/2006	Nữ	THCS Yên Cát	T	K	6.3	8.4	7.9	8.1	0.5	0.75	Không bảy lăm	8.25	Tám hai lăm	4.2	bốn hai	DTTS			
4	261317	Huy	Huy	Huy	Nguyễn Lê Huy	14/07/2006	Nam	THCS Hoà Quý	T	K	8.3	7.8	7.7	7.9	0.5	6.5	Sáu mươi	4.0	Bốn tròn	5.6	Năm sáu	DTTS			
5	261318	Huy	Huy	Huy	Lê Ngọc Huy	31/08/2006	Nam	THCS Yên Cát	T	K	6.9	6.9	7.7	7.6	0.5	4.5	Bốn mươi	7.5	Bảy mươi	7.2	bảy hai	DTTS			
6	261319	Huy	Huy	Huy	Lục Văn Huy	30/08/2006	Nam	THCS Hoà Quý	T	K	7.8	7.0	7.0	7.3	0.5	6.0	Sáu tròn	4.5	Bốn mươi	5.4	Năm tư	DTTS			
7	261320	Huyền	Huyền	Huyền	Nguyễn Thị Minh Huyền	10/02/2006	Nữ	THCS Xuân Hoà	T	G	8.1	8.9	8.2	8.4	0.5	4.5	Bốn mươi	8.25	Tám hai lăm	6.8	Sáu tám	DTTS			
8	261321	Khánh	Khánh	Khánh	Nguyễn Duy Khánh	03/02/2006	Nam	TH&THCS Cát Văn	T	K	6.7	7.3	7.3	7.5	0.5	2.75	hai bảy lăm	6.5	Sáu mươi	4.2	bốn hai	DTTS			
9	261322	Lê	Lê	Lê	Hoàng Hà Lê	22/10/2006	Nữ	THCS Thanh Phong	T	K	7.3	8.4	6.7	7.8	0.5	5.5	Năm mươi	7.5	Bảy mươi	4.4	bốn bốn	DTTS, 135			
10	261323	Linh	Linh	Linh	Lê Thị Diệu Linh	29/04/2006	Nữ	THCS DTNT Như Xuân	T	K	8.2	7.7	7.4	7.6	0.5	6.25	Sáu hai lăm	7.5	Bảy mươi	5.0	Năm tròn	DTTS			
11	261324	Linh	Linh	Linh	Phạm Lê Khánh Linh	02/08/2006	Nữ	THCS DTNT Như Xuân	T	G	8.3	8.2	7.8	8.1	0.5	6.5	Sáu mươi	8.5	Tám mươi	7.4	bảy bốn	DTTS			
12	261325	Linh	Linh	Linh	Lương Thị Linh	27/03/2006	Nữ	THCS Thanh Phong	T	K	6.6	8.4	6.8	7.2	0.5	4.5	Bốn mươi	7.5	Bảy mươi	2.8	hai tám	DTTS			
13	261326	Linh	Linh	Linh	Lê Văn Linh	24/07/2006	Nam	THCS Thanh Xuân	T	K	7.4	8.2	6.7	7.4	0.5	6.0	Sáu tròn	6.5	Sáu mươi	3.4	ba tư	Kinh, 135			
14	261327	Long	Long	Long	Vương Gia Long	20/07/2006	Nam	THCS Thanh Xuân	T	K	7.1	7.3	6.2	7.1	0.5	6.25	Sáu hai lăm	6.5	Sáu mươi	2.6	hai sáu	DTTS, 135			
15	261328	Lý	Lý	Lý	Quách Thị Lý	26/11/2006	Nữ	THCS DTNT Như Xuân	T	K	6.6	7.4	7.5	7.3	0.5	6.25	Sáu hai lăm	8.0	Tám tròn	5.0	Năm tròn	DTTS			
16	261329	Mỹ	Mỹ	Mỹ	Nguyễn Lê Trà Mỹ	27/01/2006	Nữ	THCS DTNT Như Xuân	T	K	7.8	7.5	7.2	7.4	0.5	6.0	Sáu tròn	8.0	Tám tròn	4.6	bốn sáu	DTTS			
17	261330	Ngân	Ngân	Ngân	Lương Thị Hà Ngân	08/10/2006	Nữ	THCS Hoà Quý	T	TB	6.0	6.6	5.9	6.3	0.5	1.25	Một hai lăm	5.0	Năm tròn	2.6	hai sáu	Kinh, 135			
18	261331	Ngọc	Ngọc	Ngọc	Vì Thị Khánh Ngọc	04/11/2006	Nữ	THCS Thanh Lâm	T	K	7.2	7.5	7.2	7.5	0.5	4.5	Bốn mươi	8.0	Tám tròn	4.8	bốn tám	DTTS, 135			
19	261332	Nhiên	Nhiên	Nhiên	Trần Thị Thanh Nhiên	28/12/2006	Nữ	THCS Xuân Bình	T	G	9.0	8.6	8.3	8.5	0.5	6.75	Sáu bảy lăm	8.5	Tám mươi	7.2	bảy hai	DTTS			
20	261333	Nhung	Nhung	Nhung	Lê Thị Tuyết Nhung	18/01/2006	Nữ	TH&THCS Cát Văn	T	G	7.3	8.0	7.4	8.1	0.5	6.0	Sáu tròn	8.0	Tám tròn	3.6	ba sáu	DTTS			
21	261334	Như	Như	Như	Lê Thị Quỳnh Như	15/04/2006	Nữ	THCS Cát Tân	T	G	8.2	8.1	8.0	8.2	0.5	3.25	Ba hai lăm	5.5	Năm mươi	5.6	Năm sáu	DTTS			
22	261335	Oanh	Oanh	Oanh	Hà Ngọc Oanh	12/05/2006	Nữ	THCS Xuân Bình	T	G	7.3	8.5	8.3	8.1	0.5	4.5	Bốn mươi	8.0	Tám tròn	7.2	bảy hai	DTTS			
23	261336	Phường	Phường	Phường	Nguyễn Thu Phường	23/04/2006	Nữ	THCS Thượng Ninh	T	G	8.3	8.0	8.3	8.5	0.5	7.0	Bảy tròn	7.5	Bảy mươi	5.6	Năm sáu	Kinh VC			
24	261337	Phong	Phong	Phong	Lang Văn Phong	01/07/2006	Nam	THCS Thanh Phong	T	G	8.2	8.0	7.3	8.1	0.5	6.0	Sáu tròn	7.0	Bảy tròn	4.8	bốn tám	DTTS			

Danh sách có: 24 thí sinh.

HIỆU TRƯỞNG

Thanh Hóa, ngày 2 tháng 6 năm 2021

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

(Chữ ký)

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
(Chữ ký)

HỘI ĐỒNG CỎI THI

Có 02 TS sửa chữa hồ sơ dự thi thuộc về các SBD: 261.328; 329.

Có 02 TS sửa chữa điểm ưu tiên thuộc về các SBD:

Có 02 TS sửa chữa điểm khuyến khích thuộc về các SBD:

Cán bộ kiểm tra hồ sơ 1: *(Chữ ký)*

Cán bộ kiểm tra hồ sơ 2: *(Chữ ký)*

Chủ tịch Hội đồng coi thi

Thanh Hóa, ngày 05 tháng 6 năm 2021

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

(Chữ ký)
/ / Cai Hòa / Cai

Môn thi	TO	VA	TA
Số vắng	0	0	0
Số TQC	0	0	0

HỘI ĐỒNG CHẤM THI

Tổ hội phách lên điểm:

Có 02 TS sửa chữa điểm thuộc về các SBD

- Cán bộ đọc điểm: *(Chữ ký)*
- Cán bộ kiểm soát đọc: *(Chữ ký)*
- Cán bộ ghi điểm: *(Chữ ký)*
- Cán bộ kiểm soát ghi: *(Chữ ký)*



Chữ ký dự thi				Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Giới tính	Học sinh trường	Kết quả học tập lớp 9										Kết quả điểm bài thi					Ghi chú
STT	Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh					HK	HL	TH TO	TH VA	TH TA	TH M	LT	KK	Toán		Ngữ văn		Tiếng Anh			
																Số	Điểm	Số	Điểm	Số	Điểm		
138	Phường	Phường	Phường	Lương Hồng Phường	16/10/2006	Nữ	THCS DTNT Như Xuân	T	K	6.6	7.1	6.3	7.4	0.5	3.5	ba mươi	6.5	sáu bảy lăm	4.2	Bốn hai	DTTS, 135		
139	Quân	Quân	Quân	Lê Văn Quân	17/05/2006	Nam	THCS DTNT Như Xuân	T	Q	8.0	7.9	7.9	8.3	0.5	6.5	sáu bảy lăm	7.5	Bảy mươi	4.0	Bốn tròn	DTTS		
140	Quy	Quy	Quy	Vũ Văn Quy	22/03/2006	Nam	THCS Thanh Xuân	T	Q	8.4	8.5	6.9	8.0	0.5	6.5	sáu mươi	7.5	Bảy bảy lăm	4.6	Bốn sáu	DTTS		
141	Quỳnh	Quỳnh	Quỳnh	Nguyễn Văn Quỳnh	30/01/2006	Nam	TH&THCS Cai Văn	T	K	6.9	7.3	7.0	7.9	0.5	4.5	bốn mươi	6.0	Sáu tròn	3.2	Ba hai	DTTS		
142	Quỳnh	Quỳnh	Quỳnh	Lê Văn Quỳnh	11/05/2006	Nam	THCS Hill Trảng	T	Q	7.5	8.2	6.7	8.0	0.5	3.5	ba bảy lăm	7.5	Bảy hai lăm	4.6	Bốn sáu	DTTS		
143	Quỳnh	Quỳnh	Quỳnh	Lê Như Quỳnh	03/10/2006	Nữ	THCS DTNT Như Xuân	T	K	7.6	7.8	7.1	7.8	0.5	7.0	bảy mươi	7.5	Bảy hai lăm	3.6	Ba sáu	DTTS		
144	Tài	Tài	Tài	Hà Văn Tài	01/11/2006	Nam	THCS Hoà Quý	T	K	7.5	7.3	7.4	7.5	0.5	4.5	Bốn hai lăm	7.5	Bảy hai lăm	6.0	Sáu tròn	DTTS		
145	/	/	/	Lương Trọng Tấn	01/01/2006	Nam	THCS DTNT Như Xuân	T	Q	10	10	10	10	0.5							DTTS		
146	Thiên	Thiên	Thiên	Lê Văn Thiên	12/02/2006	Nam	THCS Thanh Sơn	T	K	6.4	7.5	6.3	7.3	0.5	4.0	Bốn tròn	6.5	Sáu bảy lăm	3.8	Ba tám	DTTS, 135		
147	Thương	Thương	Thương	Đào Lê Quỳnh Thương	28/09/2006	Nữ	THCS DTNT Như Xuân	T	K	7.1	8.9	7.5	7.8	0.5	3.5	ba bảy lăm	8.5	Tám bảy lăm	7.0	Bảy tròn	DTTS		
148	Thủy	Thủy	Thủy	Hà Thị Thủy	03/06/2006	Nữ	THCS Thanh Sơn	T	K	6.2	7.0	5.5	6.6	0.5	2.5	Hai mươi	5.5	Năm mươi	3.4	Ba tư	DTTS, 135		
149	Trâm	Trâm	Trâm	Hoàng Lê Ngọc Trâm	19/01/2006	Nữ	THCS Quang Trung	T	Q	7.8	8.4	8.0	8.1	0.5	7.5	bảy mươi	8.0	Tám tròn	8.2	Tám hai	DTTS		
150	Tiến	Tiến	Tiến	Đinh Đình Tuấn	12/10/2006	Nam	THCS Bình Lương	T	K	7.7	7.2	6.7	7.2	0.5	5.5	Năm mươi	7.5	Bảy mươi	4.0	Bốn tròn	DTTS		
151	Tuấn	Tuấn	Tuấn	Hà Văn Tuấn	24/05/2006	Nam	THCS Hoà Quý	T	K	6.6	6.6	6.2	6.9	0.5	5.5	Năm mươi	8.0	Tám tròn	1.8	Một tám	DTTS		
152	Tú	Tú	Tú	Lê Anh Tú	29/11/2006	Nam	THCS Yên Cát	T	K	8.5	6.8	8.5	7.9	0.5	7.5	bảy mươi	6.5	Sáu bảy lăm	9.0	Chín tròn	DTTS		
153	Võ	Võ	Võ	Đào Văn Võ	20/09/2006	Nam	THCS Hoà Quý	T	K	7.6	7.1	6.1	7.4	0.5	6.0	sáu tròn	7.0	Bảy tròn	5.8	Năm tám	DTTS		
154	Xinh	Xinh	Xinh	Bồ Thị Kim Xinh	25/10/2006	Nữ	THCS Hoà Quý	T	K	6.4	7.0	6.0	6.7	0.5	2.5	Hai mươi	5.5	Năm mươi	2.2	Hai hai	DTTS, 135		
155	Xuân	Xuân	Xuân	Vũ Thanh Xuân	18/09/2006	Nữ	THCS DTNT Như Xuân	T	K	7.9	7.4	7.3	7.5	0.5	2.0	Hai tròn	7.5	Bảy hai lăm	3.2	Ba hai	DTTS		
156	Yên	Yên	Yên	Lương Thị Hải Yên	25/11/2006	Nữ	THCS DTNT Như Xuân	T	K	6.5	7.1	6.8	7.2	0.5	5.0	Năm tròn	7.5	Bảy mươi	2.4	Hai tư	DTTS, 135		

Chữ ký dự thi: 19 thí sinh.

HIỆU TRƯỞNG
Thị trấn, ngày 2 tháng 6 năm 2021
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

HỘI ĐỒNG CỎI THI
CỎ... TS sửa chữa hồ sơ dự thi thuộc về các SBD: 261354

CỎ... TS sửa chữa điểm ưu tiên thuộc về các SBD:

CỎ... TS sửa chữa điểm khuyến khích thuộc về các SBD:

Cán bộ kiểm tra hồ sơ 1: Nguyễn Phú Quý

Cán bộ kiểm tra hồ sơ 2: Nguyễn Phú Quý

Chủ tịch Hội đồng coi thi
Thanh Hóa, ngày 15 tháng 6 năm 2021
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Lê Đình Quang

Điểm thi	TO	VA	TA
Số vắng	1	1	1
Số 12/100	8	0	0

Tổ hội pháp lên điểm:

CỎ... TS sửa chữa điểm thuộc về các SBD:

HỘI ĐỒNG CHẤM THI

- Cán bộ đọc điểm: Nguyễn Văn Thanh
- Cán bộ kiểm soát đọc: Lê Văn Thanh
- Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Văn Thanh
- Cán bộ kiểm soát ghi: Nguyễn Văn Thanh

Chữ ký Hội đồng chấm thi
Thanh Hóa, ngày 15 tháng 6 năm 2021
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)
TRƯỜNG HỌC PHỔ THÔNG
TỈNH GIỚI
Lê Việt Cường